

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 201/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16 – 4 – 2025
Về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Rỡ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Phi Hùng và bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Phong – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 4 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 693/2024/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Q, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Số G, tổ C, ấp H, xã K, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Số D, tổ A, ấp T, xã T, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo khởi kiện ngày 12/12/2024 và lời khai của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Q trình bày:

Chị Q và anh Nguyễn Hoàng S tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2018, đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện P, tỉnh An Giang ngày 30/6/2020. Sau khi cưới được 3 tháng, chị Q biết được anh S sử dụng trái phép chất ma túy, không lo làm ăn, chỉ tiêu trong sinh hoạt đều phụ thuộc vào cha mẹ chị. Chị khuyên anh từ bỏ ma túy và nên lo làm ăn nhưng anh S không thay đổi. Từ đó vợ chồng nhiều lần cự cãi và trong những lần vợ chồng cự cãi thì có 04 lần anh S đánh chị.

Có lần (không nhớ thời gian cụ thể) sau khi cự cãi chị bỏ nhà đi, anh S năn nỉ, vì chị thương con nên trở lại chung sống, nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp

diễn và kéo dài đến đầu năm 2024, chị Q không còn chịu đựng nổi người chồng nghiện ngập nên chị về nhà mẹ ruột tại xã K và vợ chồng ly thân đến nay.

Khi ly thân, 03 con chung là Nguyễn Phúc T, Nguyễn Hoàng N và Huỳnh Duy K vẫn đang sống với chị tại xã K. Đến tháng 8/2024, chị Q sinh cháu K, anh S có về thăm vợ con, lúc này chị phát hiện anh S vẫn sử dụng ma túy nên cha chị có đuổi anh S đi, khi đi anh S có đưa cả cháu N và cháu T đi cùng. Khoảng 3 tháng sau, chị Q đón được cháu T về, còn cháu N anh S dành nuôi nên chị không đón cháu N về được. Nay tình cảm không còn nên chị Q yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng S.

Về con chung: Chị Q và anh S có 03 con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 27/02/2019; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 01/5/2022 và Huỳnh Duy K, sinh ngày 09/8/2024. Hiện cháu T và cháu K do chị Q đang nuôi dưỡng, cháu N do anh S đang sống với anh S.

Theo đơn khởi kiện chị Q yêu cầu nuôi 03 con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Quá trình giải quyết chị Q đồng ý giao cháu N cho anh S nuôi dưỡng, vì chị có điện thoại cho cha chồng biết được cháu N được anh S và cha mẹ chồng nuôi dưỡng, chăm sóc đàng hoàng, anh S cũng rất thương con.

Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Hoàng S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng anh không tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của nguyên đơn.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là chấp hành đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Q đối với anh Nguyễn Hoàng S.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Phúc T và Huỳnh Duy K cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hoàng N cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Q và anh S không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung không có; đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Về án phí chị Q phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn bị đơn có nơi cư trú tại huyện P, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn đã được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do, do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Q và anh S tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang cấp ngày 30/6/2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

Chị Q cho rằng có mâu thuẫn do anh S nghiện ma túy không lo làm ăn, vợ chồng không còn chung sống từ tháng 8/2024 đến nay. Qua xác minh, chị Q và anh S không còn chung sống với nhau.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau....*”. Chị Q và anh S vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không còn chung sống với nhau, nhiều lần Tòa án triệu tập hoà giải nhưng anh S không đến cho thấy anh không có thiện chí hàn gắn, điều này chứng minh mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, cho chị Q được ly hôn anh S.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị Q và anh S có 03 con chung tên Nguyễn Phúc T, sinh ngày 27/02/2019; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 01/5/2022 và Huỳnh Duy K, sinh ngày 09/8/2024. Cháu T và cháu K1 do chị Q đang nuôi dưỡng, cháu N do anh S đang nuôi dưỡng.

Chị Q yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T, cháu K và yêu cầu giao cháu N cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T và cháu K đang được chị Q nuôi dưỡng ổn định, cháu N được anh S nuôi dưỡng ổn định. Chị Q cũng đồng ý giao cháu N cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự ổn định cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Q giao 02 con chung tên Nguyễn Phúc T và Huỳnh Duy K cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Hoàng N cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Q và anh S không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Q, anh S và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho anh chị đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Q trình bày không có tài sản chung, nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh S phải chịu án phí cấp dưỡng cho con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 91, Điều 147, Điều 266, Điều 322 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Q.

1. Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Q được ly hôn anh Nguyễn Hoàng S.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Phúc T, sinh ngày 27/02/2019 và Huỳnh Duy K, sinh ngày 09/8/2024 cho chị Q tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 01/5/2022 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng.

Chị Q và anh S không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Q, anh S và các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tạo điều kiện cho anh chị đến thăm nom, chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Một trong các bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét việc thay đổi nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nếu có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011705 ngày 23 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân. Anh S không phải chịu án phí.

Chị Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân
- UBND xã Tân Trung, huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Rỡ